

Số: 84 /CV-PTIC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Giải trình chênh lệch và phương án khắc phục ý kiến kiểm toán ngoại trừ, giải trình nguyên nhân chậm cbtt.

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Trước hết Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Ủy ban và Quý Sở đã nhiệt tình hỗ trợ Công ty chúng tôi công bố thông tin trong thời gian qua.

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN (PTIC)
- Người đại diện: Nguyễn Công Khởi
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Mã chứng khoán: PTC niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 V/v: Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện đã gửi báo cáo tài chính riêng kiểm toán đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh do Công ty TNHH PKF Việt Nam phát hành. PTIC xin giải trình nguyên nhân chậm công bố thông tin và chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán, một số ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

1. Nguyên nhân chậm công bố thông tin:

Ngày 20/06/2018, PTIC ký hợp đồng kiểm toán số: 206/2018/HĐKT/PKF.NHN về việc: Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện, với Công ty TNHH PKF Việt Nam. Tuy nhiên, đến ngày 13/04/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện mới nhận được báo cáo riêng kiểm toán do đơn vị kiểm toán phát hành (BCTC kiểm toán ký ngày 12/04/2019), gây ảnh hưởng đến thời gian công bố thông tin bị chậm so với quy định. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện xin nhận thiếu sót này và sẽ lưu ý về việc công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời trong thời gian tới.

2. Sai lệch một số chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh do các nguyên nhân sau:

STT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân
A	Bảng cân đối kế toán				
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	30,995,375,948	31,047,597,761	52,221,813	Do bù trừ KH có công nợ 131 và 331
2	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	42,809,849,275	42,157,850,007	-651,999,268	Do bù trừ KH có công nợ 138 và 338

3	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-52,233,292,832	-48,862,117,583	3,371,175,249	Do hoàn nhập 1 số công nợ đã trích lập các năm trước
4	Hàng tồn kho	10,226,151,843	8,988,863,730	-1,237,288,113	Do Kế toán chưa HT 154 sang 632
5	Phải trả người bán ngắn hạn	15,378,945,599	15,431,167,412	52,221,813	Do bù trừ KH có công nợ 131 và 331
6	Phải trả ngắn hạn khác	17,819,020,171	17,052,003,435	-767,016,736	
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	71,869,245,443	271,602,578,779	199,733,333,336	ĐC khoản TP từ dài hạn sang ngắn hạn
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	199,733,333,336	0	199,733,333,336	ĐC khoản TP từ dài hạn sang ngắn hạn
9	LNST chưa phân phối năm nay	-63,133,359,630	-61,366,045,354	1,767,314,276	do sự thay đổi các yếu tố trên
B	Bảng kết quả kinh doanh				
1	Giá vốn hàng bán	39,497,755,114	6,783,751,413	-32,714,003,701	Do HT 154-632 và ĐC chi phí dự án Vinh sang 811
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng	-32,023,403,106	690,600,595	32,714,003,701	Do HT 154-632 và ĐC chi phí dự án Vinh sang 811
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20,854,884,458	17,484,030,209	-3,370,854,249	Do hoàn nhập 1 số công nợ đã trích lập các năm trước
4	Thu nhập khác	1,692,925,361	955,195,561	-737,729,800	Bù trừ NG và GTCL của TSCD thanh lý
5	Chi phí khác	10,551,161,412	43,961,601,426	33,410,440,014	ĐC chi phí dự án Vinh từ 632 sang 811
6	Lợi nhuận khác	-8,858,236,051	-43,006,405,865	-34,148,169,814	do sự thay đổi các yếu tố trên
7	Lợi nhuận trước thuế	-63,133,359,630	-61,366,045,354	1,767,314,276	do sự thay đổi các yếu tố trên

3. Một số ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

“Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán số đầu kỳ, tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản mục hàng tồn kho (mã số 140), tài sản dở dang dài hạn (mã số 240), phải trả người bán (mã số 311) và phải trả khác (mã số 319) tại ngày 01 tháng 01 năm 2018. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán là 8.852.269.428 đồng. Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã được ghi nhận cũng như các yếu tố liên quan của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của công ty”.

Giải trình của PTIC: Do Công ty PTIC thi công rất nhiều các công trình với các chủ đầu tư khác nhau, thời gian thi công kéo dài, có những công trình từ năm 2012 tới nay, với nhiều chi nhánh miền Nam, miền Trung và Hà Nội. Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018, yêu cầu tập hợp hóa đơn, chứng từ các công trình còn dở dang trên từ khi thi công, tuy nhiên do thời gian yêu cầu cung cấp hồ sơ quá ngắn, số liệu kéo dài qua các năm chúng tôi chưa đáp ứng kịp yêu cầu này của kiểm toán. Các chi phí kinh doanh dở dang

168654
 CÔNG TY
 PHẦN
 VÀ XÂY D
 ĐIỆN
 LIÊM - T

trên đều được tạo thành từ các chứng từ (nguyên vật liệu, ca máy, phí bảo lãnh...và chi phí nhân công) đều đã được thanh tra thuế và các đơn vị kiểm toán trước khẳng định số liệu đúng đắn và chính xác

“Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng công nợ phải thu (bao gồm khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu ngắn hạn khác) và công nợ phải trả (bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, người mua trả tiền trước, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn) chưa được đối chiếu lẫn lượt là 55.532.503.544 đồng (chiếm 12,14% tổng tài sản), 35.353.496.537 đồng chiếm 7,73% tổng tài sản). Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận, tuy nhiên tại ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi không nhận được đầy đủ thư xác nhận cho các khoản công nợ nêu trên. Đồng thời, Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác, tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính đầy đủ và giá trị của khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của công ty.

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng với tổng số tiền là 12.746.061.033 đồng cho các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên theo qui định hiện hành đến cuối năm tài chính 2017, Công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp từ năm 2017 trở về trước với số tiền là 12.673.844.648 đồng. Theo đó, trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2018, chỉ tiêu “Dự phòng nợ phải thu khó đòi” sẽ tăng lên số tiền là 12.673.844.648 đồng, chỉ tiêu “lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm đi số tiền tương ứng”.

Giải trình của PTIC: Do số lượng khách hàng và đối tác của Công ty PTIC lớn (mấy trăm khách hàng) bao gồm cả cá nhân và công ty. Khi chúng tôi gửi đối chiếu công nợ có những cá nhân, đơn vị thay đổi địa chỉ kinh doanh và số điện thoại dẫn đến khó khăn trong công tác đối chiếu công nợ.

Do trong năm 2017 Công ty thực hiện hồ sơ đối chiếu xác nhận công nợ khách hàng, bảng kê công nợ và các chứng từ liên quan khác, chưa có đầy đủ yếu tố để đánh giá các khoản công nợ nên công ty không trích lập dự phòng các khoản công nợ trên.

Công ty CP đầu tư và xây dựng Bưu Điện xin giải trình đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và rất mong nhận được sự giúp đỡ và quan tâm của Quý đơn vị trong thời gian tới.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận

- Như Kính gửi
- Lưu TCKT, TH



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Khởi



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 7
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 10 năm 2017.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Anh Linh
Bà Phạm Thị Thu Hà
Ông Nguyễn Đức Lương
Bà Nguyễn Thị An Ly
Ông Nguyễn Công Khởi

Chức vụ

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 02/10/2018)
Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02/10/2018)
Thành viên
Thành viên
Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/04/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Công Khởi

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Phong
Ông Hoàng Trung Dũng
Ông Phạm Vĩnh Phú

Chức vụ

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Công Khởi - Tổng Giám đốc.

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Khởi

Số: 70 /2019/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện ("Công ty") được lập ngày 12 tháng 4 năm 2019, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 45 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán số đầu kỳ, tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản mục hàng tồn kho (mã số 140), tài sản dở dang dài hạn (mã số 240), phải trả người bán ngắn hạn (mã số 311), phải trả ngắn hạn khác (mã số 319) và phải trả dài hạn khác (mã số 337) được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2018. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán là 8.852.269.428 đồng. Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã được ghi nhận cũng như các yếu tố liên quan của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng công nợ phải thu (bao gồm khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu ngắn hạn khác) và công nợ phải trả (bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, người mua trả tiền trước, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn) chưa được đối chiếu lẫn lượt là 55.532.503.544 đồng (chiếm 12,14% tổng tài sản), 35.353.496.537 đồng (chiếm 7,73% tổng tài sản). Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không nhận được đầy đủ thư xác nhận cho các khoản công nợ nêu trên. Đồng thời, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác, tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính đầy đủ và giá trị của khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của công ty.

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng với tổng số tiền là 12.746.061.033 đồng cho các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên theo quy định hiện hành, đến cuối năm tài chính 2017, Công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp từ năm 2017 trở về trước với số tiền là 12.673.844.648 đồng. Theo đó, trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2018, chỉ tiêu "Dự phòng nợ phải thu khó đòi" sẽ tăng lên số tiền là 12.673.844.648 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục. Như đã trình bày trên Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lỗ lũy kế của Công ty là 2018 là 88.996.762.103 đồng (chiếm 38,27 % vốn chủ sở hữu). Trong năm 2018, Công ty hầu như không hoạt động sản xuất kinh doanh ngành nghề chính mà chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực chứng khoán. Do đó, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là âm 90.697.080.512 đồng. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 570 - Hoạt động liên tục, các yếu tố này là một trong các dấu hiệu nghi ngờ về tính hoạt động liên tục của Công ty.

Trong năm 2018, Công ty xử lý các tài sản tồn đọng từ nhiều năm trước không có khả năng thu hồi theo biên bản họp xử lý kiểm kê ngày 01/01/2019 và Nghị quyết số 51/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Quản trị. Việc ghi nhận trên dẫn đến trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, chỉ tiêu "Chi phí khác" tăng số tiền là 39.050.704.932 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" giảm đi số tiền tương ứng, trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chỉ tiêu "Tài sản thiếu chờ xử lý" giảm số tiền là 1.687.007.566 đồng, chỉ tiêu "Hàng tồn kho" giảm số tiền là 5.627.918.492 đồng, chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" giảm số tiền 196.878.000 đồng, chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" giảm số tiền là 2.266.420.956 đồng, chỉ tiêu "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" giảm số tiền là 33.805.321.830 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm đi số tiền là 39.050.704.932 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		349.902.577.995	310.184.268.788
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.331.748.500	15.051.347.657
Tiền	111		831.748.500	10.051.347.657
Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.7	255.005.946.279	191.908.409.604
Chứng khoán kinh doanh	121		252.619.413.279	192.827.409.604
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.113.467.000)	(919.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.516.449.428	79.136.110.640
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	31.047.597.761	41.464.633.823
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.272.921.743	9.355.110.179
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	48.900.197.500	22.700.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	42.157.850.007	40.045.415.622
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(48.862.117.583)	(36.116.056.550)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.687.007.566
Hàng tồn kho	140	5.6	8.988.863.730	22.011.666.027
Hàng tồn kho	141		8.988.863.730	22.011.666.027
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.059.570.058	2.076.734.860
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.929.749	23.094.551
Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.054.049	9.054.049
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	2.044.586.260	2.044.586.260
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.696.361.458	161.743.185.989
Các khoản phải thu dài hạn	210		56.815.000	43.157.012.500
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	-	43.100.197.500
Phải thu dài hạn khác	216		56.815.000	56.815.000
Tài sản cố định	220		1.996.209.091	1.082.796.166
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.996.209.091	1.082.796.166
- Nguyên giá	222		9.590.626.586	11.594.370.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.594.417.495)	(10.511.574.057)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		378.200.000	378.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(378.200.000)	(378.200.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	5.626.847.962	39.432.169.765
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	33.805.321.803
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.626.847.962	5.626.847.962
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	99.927.091.677	77.556.185.611
Đầu tư vào công ty con	251		23.302.512.373	28.525.012.373
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		98.327.091.677	14.210.875.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.930.000.000	56.248.256.797
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(26.632.512.373)	(21.427.958.559)
Tài sản dài hạn khác	260		89.397.728	515.021.947
Chi phí trả trước dài hạn	261		89.397.728	515.021.947
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		457.598.939.453	471.927.454.777

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**Mẫu số B 01 - DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

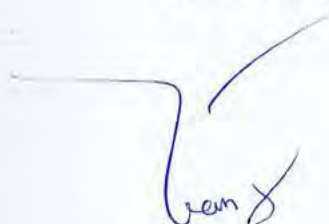
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		314.057.939.105	267.020.409.075
Nợ ngắn hạn	310		312.371.331.832	65.684.780.589
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	15.431.167.412	21.937.447.098
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.266.052.856	4.715.174.104
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.077.580.921	5.105.770.772
Phải trả người lao động	314		489.719.525	582.992.973
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	343.666.667	4.311.092.277
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	17.052.003.435	23.498.429.321
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	271.602.578.779	5.425.311.807
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108.562.237	108.562.237
Nợ dài hạn	330		1.686.607.273	201.335.628.486
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.641.607.273	1.226.061.818
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	45.000.000	642.900.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	-	199.466.666.668
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.541.000.348	204.907.045.702
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	143.541.000.348	204.907.045.702
Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.999.990.000	179.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.999.990.000	179.999.990.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		35.684.263.731	35.684.263.731
Cổ phiếu quỹ	415		(10.792.686.881)	(10.792.686.881)
Quỹ đầu tư phát triển	418		27.646.195.601	27.646.195.601
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(88.996.762.103)	(27.630.716.749)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(27.630.716.749)	(31.340.085.216)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(61.366.045.354)	3.709.368.467
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		457.598.939.453	471.927.454.777

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Đặng Thị Đoàn Trang

Trần Thị Len

Nguyễn Công Khời

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

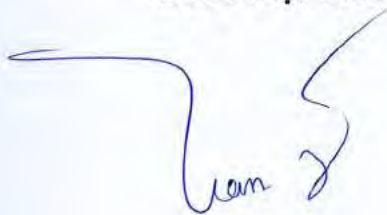
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Mẫu số B 02 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	7.474.352.008	25.989.159.384
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	7.474.352.008	25.989.159.384
Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.783.751.413	26.396.017.230
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		690.600.595	(406.857.846)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	28.657.025.777	39.662.393.063
Chi phí tài chính	22	6.4	30.223.235.652	9.903.253.524
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.041.798.597	27.977.040.763
Chi phí bán hàng	25		-	487.084.672
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	17.484.030.209	22.900.654.825
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.359.639.489)	5.964.542.196
Thu nhập khác	31	6.6	955.195.561	1.808.715.802
Chi phí khác	32	6.7	43.961.601.426	4.063.889.531
Lợi nhuận khác	40		(43.006.405.865)	(2.255.173.729)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(61.366.045.354)	3.709.368.467
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(61.366.045.354)	3.709.368.467
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	-	-

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC**


**Đặng Thị Đoàn Trang****Trần Thị Len****Nguyễn Công Khởi**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**Mẫu số B 03 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(61.366.045.354)	3.709.368.467
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	450.130.002	609.615.139
Các khoản dự phòng	03	18.145.081.847	(3.760.910.613)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(29.072.550.522)	(21.115.490.922)
Chi phí lãi vay	06	24.041.798.597	27.977.040.763
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(47.801.585.430)	7.419.622.834
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	12.643.898.224	48.170.497.014
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	46.828.124.100	266.488.464
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(18.963.344.026)	(23.693.839.223)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	442.789.021	250.775.791
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(59.792.003.675)	(9.412.183.721)
Tiền lãi vay đã trả	14	(24.054.958.726)	(27.975.686.190)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1.544.700.912)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(90.697.080.512)	(6.519.025.943)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.101.272.727)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.004.454.545	1.314.740.909
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(10.600.000.000)	(133.874.197.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24.000.000.000	88.584.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(33.797.959.880)	(84.495.422.485)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	6.222.500.000	65.426.602.799
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.805.825.777	10.560.658.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.533.547.715	(52.483.617.560)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(10.792.686.881)
2. Tiền thu từ đi vay	33	93.866.123.070	463.696.535.637
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.422.189.430)	(415.298.932.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	66.443.933.640	37.604.915.939

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN

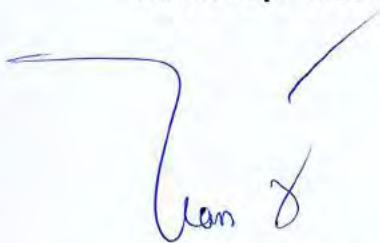
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(10.719.599.157)	(21.397.727.564)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.051.347.657	36.449.075.221
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.331.748.500	15.051.347.657

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Đoàn Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Len

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Khời

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2004 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10, ngày 10 tháng 10 năm 2017.

Số vốn điều lệ của Công ty là 179.999.990.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Công ty có tên giao dịch: Post and Telecommunications Investment and Construction Joint Stock Company (PTIC.,JSC). Công ty đã thực hiện niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán PTC.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 26 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 34 người).

Trong năm, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại công ty con - Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung tại ngày 16/04/2018 và tại công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2 tại ngày 13/02/2018. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cấu trúc của doanh nghiệp như sau:

Công ty mẹ	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 3	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 5	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 7	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tòa nhà Kim Tâm Hải, số 27 đường Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập, hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền quyết định nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần PTIC - ZTE Công nghệ Viễn thông	Hà Nội	72,97%	72,97%	Sản xuất, kinh doanh thiết bị công nghệ, viễn thông.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	Hà Nội	68,09%	68,09%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA-OFC	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất, kinh doanh sợi cáp quang, thiết bị, vật tư công nghệ, viễn thông.
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (*)	Hà Giang	24,38%	24,38%	Sản xuất và kinh doanh thủy điện

(*) Đầu tư theo nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 01 năm 2018 về việc đầu tư, sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính riêng được tổng hợp từ các báo cáo của Xí nghiệp 3, Xí nghiệp 7, chi nhánh Hồ Chí Minh và Văn phòng Công ty. Các khoản công nợ nội bộ, lãi nội bộ đã được bù trừ khi lập báo cáo tài chính riêng này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, trong đó giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao

mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau :

Phần mềm máy tính	03 năm
-------------------	--------

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư tài chính.

Dự phòng đầu tư tài chính của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí mua bảo hiểm...

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10 Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua/bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này:

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;

- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của Hợp đồng xây lắp và dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Áp dụng theo quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.18 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Tiền mặt (i)	118.634.438	557.375.047
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	713.114.062	1.820.872.611
Tiền đang chuyển	-	7.673.099.999
Các khoản tương đương tiền (iii)	3.500.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>4.331.748.500</u>	<u>15.051.347.657</u>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2018 bao gồm:

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	118.634.438
Cộng		<u>118.634.438</u>

(ii) Số dư tiền gửi không kỳ hạn vào ngày 31/12/2018 bao gồm:

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	436	10.093.400
Đô la Mỹ (USD)		
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội</i>	436	10.093.400
Đồng Việt Nam		703.020.662
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân		253.819.810
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hà Nội		113.062.823
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB		189.988.198
Công ty CP chứng khoán SG - Chi nhánh Hà Nội		61.861.275
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội		10.390.264
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt		3.772.499
Các ngân hàng khác		70.125.793
Cộng		<u>713.114.062</u>

(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2018 bao gồm:

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Thanh Xuân		3.500.000.000
Cộng		<u>3.500.000.000</u>

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, lãi suất 4,1% - 4,5%, tự động gia hạn khi hết hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	31.047.597.761	41.464.633.823
Tập đoàn viễn thông Quân đội	1.441.338.056	3.065.958.491
Viễn thông tỉnh Nam Định	3.521.074.800	6.441.713.184
Công ty Viễn thông liên tỉnh	5.632.520.587	2.569.150.975
Phải thu các khách hàng khác	20.452.664.318	29.387.811.173
b) Dài hạn	-	-
Cộng	31.047.597.761	41.464.633.823
Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem thuyết minh 7.3)	86.915.263	86.915.263

5.3. Trả trước cho người bán

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	6.272.921.743	9.355.110.179
Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	1.646.295.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	1.238.690.800
Công ty TNHH TM DV XD Hà Bảo Châu	507.301.367	507.301.367
Các khách hàng khác	2.880.634.576	5.962.823.012
b) Dài hạn	-	-
Cộng	6.272.921.743	9.355.110.179

5.4. Phải thu về cho vay

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	48.900.197.500	22.700.000.000
Ông Trần Quang Ninh (i)	22.400.000.000	22.100.000.000
Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly (iii)	26.100.197.500	-
Ông Tạ Anh Tú (ii)	400.000.000	400.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	-	200.000.000
b) Dài hạn	-	43.100.197.500
Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly (iii)	-	43.100.197.500
Cộng	48.900.197.500	65.800.197.500
Phải thu về cho vay bên liên quan (Xem thuyết minh 7.3)	-	200.000.000

- (i) Khoản cho ông Trần Quang Ninh vay theo các hợp đồng số 2308/HĐVV-PTIC ngày 23/08/2017, 1409/HĐVV-PTIC ngày 14/09/2017, 2109/HĐVV ngày 21/09/2017, 2509/HĐVV-PTIC ngày 25/09/2017, 2712/HĐVV-PTIC ngày 27/12/2017 và 1901/HĐVV-PTIC ngày 19/01/2018 và các phụ lục gia hạn, với thời hạn vay 18 tháng kể từ ngày nhận tiền vay với lãi suất 12%/năm. Ông Ninh vay vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản cho ông Tạ Anh Tú vay theo hợp đồng số 3012/HĐVV-PTIC ngày 30 tháng 12 năm 2016 thời hạn vay là 06 tháng, và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/TAT-PTIC ngày 25 tháng 06 năm 2017 gia hạn thời gian vay 18 tháng. Số tiền cho vay là 400.000.000 đồng, lãi suất cho vay là

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

13,5%/năm. Mục đích cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly vay theo các hợp đồng cho vay vốn với thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt với lãi suất 11%/năm. Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản cho vay này được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất xi măng và các phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly. Khoản phải thu về cho vay này được phân loại từ dài hạn sang ngắn hạn theo các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập Báo cáo tài chính, chi tiết như sau:

- Hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 05 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV -PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 24.300.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 1107/HĐVV-PTIC SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 1107/HĐVV -PTIC - SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 5.880.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 1412/HĐVV-PTIC SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 3.000.000.000 đồng.

5.5. Phải thu khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	42.157.850.007	40.045.415.622
Phải thu các khoản tạm ứng	22.475.731.997	27.737.162.514
<i>Tạm ứng công trình xây lắp</i>	<i>21.853.460.483</i>	<i>26.931.593.150</i>
+ <i>Đậu Xuân Minh – Xi nghiệp 1</i>	<i>1.144.519.646</i>	<i>1.144.519.646</i>
+ <i>Hồ Văn Tuyên - Đội công trình số 1</i>	<i>1.290.869.717</i>	<i>1.667.554.677</i>
+ <i>Lê Hồng Quang - Xi nghiệp 1</i>	<i>2.919.177.572</i>	<i>2.919.177.572</i>
+ <i>Tạ Minh Châu - Xi nghiệp 7</i>	<i>1.453.049.838</i>	<i>1.453.049.838</i>
+ <i>Nguyễn Thành Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	<i>2.553.350.025</i>	<i>2.553.350.025</i>
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>12.492.493.685</i>	<i>17.193.941.392</i>
<i>Tạm ứng sản xuất kinh doanh</i>	<i>622.271.514</i>	<i>805.569.364</i>
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	246.878.000
Lãi cho vay Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly	7.768.112.718	3.013.187.914
Lãi cho vay ông Trần Quang Ninh	3.913.999.999	830.900.000
Phải thu khác	7.950.005.293	8.217.287.194
b) Dài hạn	-	-
Cộng	42.157.850.007	40.045.415.622
Phải thu về cho vay bên liên quan (Xem thuyết minh 7.3)	482.121.268	482.121.268

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Nguyên vật liệu	-	-	20.077.211	20.077.211
Công cụ, dụng cụ	-	-	16.903.363	16.903.363
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.852.269.428	8.852.269.428	21.176.423.501	21.176.423.501
Thành phẩm	-	-	391.337.917	391.337.917
Hàng hoá	136.594.302	136.594.302	383.087.450	383.087.450
Hàng gửi bán	-	-	23.836.585	23.836.585
Cộng	8.988.863.730	8.988.863.730	22.011.666.027	22.011.666.027

5.7. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện (i)	20.000	1.175.000.000	975.000.000	20.000	1.175.000.000	919.000.000
Tổng công ty Viglacera (ii)	737.400	13.246.790.425	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (iii)	13.729.416	233.212.155.854	-	10.066.180	191.652.409.604	-
Công ty cổ phần thủy điện Định Bình (iv)	131.000	4.985.467.000	138.467.000	-	-	-
Cộng		252.619.413.279	1.113.467.000		192.827.409.604	919.000.000

- (i) Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện (PTP) được tính theo số lượng cổ phần mà Công ty nắm giữ nhân với giá đóng cửa của cổ phiếu này tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang nắm giữ 20.000 cổ phiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- (ii) Giá trị hợp lý Tổng Công ty Viglacera (VGC) được tính theo số lượng cổ phần mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhân với giá đóng cửa của cổ phiếu này tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 là 18.200 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang nắm giữ 737.400 cổ phiếu này.
- (iii) Giá trị hợp lý Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GEX) được tính theo số lượng cổ phần mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhân với giá đóng cửa của cổ phiếu này tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 là 22.150 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang nắm giữ 13.729.416 cổ phiếu này.
- (iv) Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình (TDB) được tính theo số lượng cổ phần mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhân với giá đóng cửa của cổ phiếu này tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 là 37.000 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang nắm giữ 131.000 cổ phiếu này.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
Cộng	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-

(*) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,4%/ năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	31/12/2018			01/01/2018		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng cổ phần	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
c.1) Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông (*)	2.170.251	21.702.512.373	21.702.512.373	2.170.251	21.702.512.373	16.497.958.559
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2	-	-	-	100.000	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	-	-	-	513.000	5.222.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1 (*)	160.000	1.600.000.000	-	60.000	600.000.000	-
Cộng		23.302.512.373	21.702.512.373		28.525.012.373	16.497.958.559

(*) Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ Viễn thông và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1 để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì các Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông đang dừng hoạt động, Công ty trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư.

	31/12/2018			01/01/2018		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng cổ phần	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
c.2) Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA – OFC (*)	2.227.500	14.210.875.000	-	2.227.500	14.210.875.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (**)	5.118.900	84.116.216.677	-	-	-	-
Cộng		98.327.091.677	-		14.210.875.000	-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(**) Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu lấy theo số lượng cổ phần nhân giá đóng cửa ngày 28/12/2018 của cổ phiếu này là 22.000 đồng/ cổ phiếu

	31/12/2018			01/01/2018		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng cổ phần	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
c.3) Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Công nghệ Cáp quang và Thiết bị Bưu điện (*)	493.000	4.930.000.000	4.930.000.000	493.000	4.930.000.000	4.930.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn Thông	-	-	-	25.000	250.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	-	-	-	3.409.600	51.068.256.797	-
Cộng		4.930.000.000	4.930.000.000		56.248.256.797	4.930.000.000

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty nêu trên tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty nêu trên. Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện đang lâm vào tình trạng phá sản nên theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC trích lập 100% giá trị khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.8. Nợ xấu

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	48.934.333.967	72.216.384	48.862.117.583	36.261.691.908	145.635.358	36.116.056.550
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	-	-	-
Từ 1 năm đến 2 năm	144.432.769	72.216.384	72.216.385	144.432.769	144.432.769	-
Công an tỉnh Lâm Đồng	43.823.000	21.911.500	21.911.500	43.823.000	43.823.000	-
Công ty viễn thông liên tỉnh	100.609.769	50.304.884	50.304.885	100.609.769	100.609.769	-
Từ 2 năm đến 3 năm	-	-	-	-	-	-
Trên 3 năm	48.789.901.198	-	48.789.901.198	36.117.259.139	1.202.589	36.116.056.550
Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	-	1.646.295.000	1.646.295.000	-	1.646.295.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	-	1.238.690.800	1.238.690.800	-	1.238.690.800
Ông Phạm Tùng Việt	2.377.134.286	-	2.377.134.286	2.377.134.286	-	2.377.134.286
Ông Nguyễn Ngọc Anh	1.642.295.608	-	1.642.295.608	1.642.295.608	-	1.642.295.608
Ông Nguyễn Thành Nam	2.553.350.025	-	2.553.350.025	2.553.350.025	-	2.553.350.025
Bà Trần Thị Tâm	1.861.652.035	-	1.861.652.035	1.861.652.035	-	1.861.652.035
Ông Nguyễn Huy Giang	1.173.280.126	-	1.173.280.126	1.173.280.126	-	1.173.280.126
Các đối tượng khác	36.297.203.318	-	36.297.203.318	23.624.561.259	1.202.589	23.623.358.670
Cộng	48.934.333.967	72.216.384	48.862.117.583	36.261.691.908	145.635.358	36.116.056.550

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri, phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc (VND)	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	53.812.371	6.753.107.378	3.321.793.589	1.465.656.885	11.594.370.223
Mua trong năm	2.101.272.727	-	-	-	2.101.272.727
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(2.436.090.909)	(1.668.925.455)	-	(4.105.016.364)
Số dư tại ngày 31/12/2018	2.155.085.098	4.317.016.469	1.652.868.134	1.465.656.885	9.590.626.586
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	53.812.371	6.073.768.941	2.918.335.860	1.465.656.885	10.511.574.057
Khấu hao trong năm	105.063.636	255.409.091	89.657.275	-	450.130.002
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(2.012.161.563)	(1.355.125.001)	-	(3.367.286.564)
Số dư tại ngày 31/12/2018	158.876.007	4.317.016.469	1.652.868.134	1.465.656.885	7.594.417.495
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	-	679.338.437	403.457.729	-	1.082.796.166
Tại ngày 31/12/2018	1.996.209.091	-	-	-	1.996.209.091

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 7.489.353.859 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 776.530.571 đồng).

Không có tài sản cố định cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Xây dựng cơ bản dở dang		
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	589.446.250	589.446.250
- Mua đất tại thành phố Hồ Chí Minh	589.446.250	589.446.250
Xây dựng cơ bản dở dang	5.037.401.712	5.037.401.712
- Dự án đất C30 TP Hồ Chí Minh (*)	5.037.401.712	5.037.401.712
Cộng	5.626.847.962	5.626.847.962

(*) Theo Quyết định số 246/QĐ-ĐTPT-HĐQT ngày 19 tháng 09 năm 2003 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu C30 tại số 270 đường Lý Thường Kiệt, quận 10 và quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện dự án đang tạm dừng triển khai. Công ty đang làm các thủ tục với bên liên quan để thu hồi vốn đầu tư.

5.11. Phải trả người bán

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	15.431.167.412	15.431.167.412
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	3.578.791.016	5.469.498.111
Công ty CP Đầu tư TM và XD Hồng Hà	1.182.400.141	4.301.145.200
Công ty CP Ptic-ZTE Công nghệ Viễn thông	604.387.833	604.387.833
Công ty CP Đầu tư và sản xuất Việt Hàn	488.518.064	488.518.064
Phải trả cho các đối tượng khác	9.577.070.358	11.073.897.890
b) Dài hạn	-	-
Cộng	15.431.167.412	15.431.167.412
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh 7.3)	4.630.304.049	6.521.011.144

5.12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	2.266.052.856	4.715.174.104
Ban Quản lý dự án TP Biên Hòa	509.000.000	509.000.000
Ban Quản lý dự án nâng cấp đô thị TP Cần Thơ	-	246.104.539
Công ty TNHH một thành viên - Công ty TV QLDA khí	956.404.007	956.404.007
Các khách hàng khác	800.648.849	3.003.665.558
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.266.052.856	4.715.174.104

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.13. Thuế và các khoản phải thu, nộp Nhà nước

	31/12/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2018
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	2.044.586.260	-	-	2.044.586.260
Cộng	2.044.586.260	-	-	2.044.586.260
b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	189.475.381	1.797.154.279	1.775.898.249	168.219.351
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	3.614.570.880	-	2.011.617	3.616.582.497
Thuế thu nhập cá nhân	145.813.209	65.723.146	103.071.804	183.161.867
Thuế khác, phí và lệ phí	1.127.721.451	74.911.884	84.997.490	1.137.807.057
Cộng	5.077.580.921	1.937.789.309	1.965.979.160	5.105.770.772

(*) Công ty đang đối chiếu số liệu thuế phải nộp, đã nộp với cơ quan thuế tại văn phòng Công ty và các chi nhánh, xí nghiệp. Do vậy, số thuế chưa nộp không bị tính lãi chậm nộp thuế theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.14. Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn		
Chi phí dự án, công trình	172.000.000	2.347.423.461
Chi phí phải trả khác	-	20.717.495
Chi phí lãi vay	171.666.667	184.826.796
Chi phí trích trước các công trình	-	1.758.124.525
Cộng	343.666.667	4.311.092.277

5.15. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	17.052.003.435	23.498.429.321
Kinh phí công đoàn	18.900.418	299.889.681
BHXH, BHYT, BHTN	4.200.927	2.240.000
Phải trả về cổ phần hoá	51.520.000	51.520.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.198.575.000	1.198.575.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.778.807.090	21.946.204.640
- Công ty CP PTIC-ZTE Công nghệ Viễn thông	7.666.800.000	7.666.800.000
- Ông Phạm Tùng Việt	622.805.883	2.999.940.169
- Ông Nguyễn Đình Thắng	-	1.245.949.520
- Ông Hoàng Xuân Tú	1.067.223.350	1.167.223.350
- Các khoản phải trả khác	6.421.977.857	8.866.291.601
b) Dài hạn	45.000.000	642.900.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	45.000.000	642.900.000
- Tiền đặt cọc thực hiện công trình, thuê VP	45.000.000	642.900.000
Cộng	17.097.003.435	24.141.329.321
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thuyết minh 7.3)	7.666.800.000	7.666.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.16. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	(VND)	trả nợ (VND)	(VND)	(VND)	(VND)	trả nợ (VND)
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay tổ chức kinh tế	66.913.039.902	60.166.249.477	93.578.340.186	26.665.300.284	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	18.436.800.925	18.436.800.925	40.116.634.209	21.679.833.284	-	-
Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	41.729.448.552	41.729.448.552	41.729.448.552	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	-	4.985.467.000	4.985.467.000	-	-
Công ty CP Chứng khoán KB Việt Nam	6.746.790.425	-	6.746.790.425	-	-	-
Vay cá nhân (i)	4.956.205.541	4.956.205.541	287.782.880	756.889.146	5.425.311.807	5.425.311.807
Bà Ngô Thị Cúc	1.030.000.000	1.030.000.000	-	-	1.030.000.000	1.030.000.000
Ông Hoàng Đình Chiến	620.000.000	620.000.000	-	-	620.000.000	620.000.000
Vay các cá nhân khác	3.306.205.541	3.306.205.541	287.782.880	756.889.146	3.775.311.807	3.775.311.807
Cộng	71.869.245.443	65.122.455.018	93.866.123.066	27.422.189.430	5.425.311.807	5.425.311.807
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết thuyết minh 5.17b)	199.733.333.336	199.733.333.336			-	-
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	271.602.578.779	264.855.788.354			-	-

- (i) Vay cá nhân là các khoản huy động vốn ngắn hạn cán bộ công nhân viên Công ty và các đối tượng khác với lãi suất từ 8% đến 12% để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay từ 01 đến 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Trái phiếu phát hành	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (VND)	Kỳ hạn (VND)	Giá trị (VND)	Lãi suất (VND)	Kỳ hạn (VND)
Loại phát hành theo mệnh giá	200.000.000.000	(*)	3 năm	200.000.000.000	(*)	3 năm
Chi tiết Trái chủ:						
<i>Công ty Cổ phần Chứng Khoán IB</i>	23.000.000.000			100.000.000.000		
<i>Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	100.000.000.000			100.000.000.000		
<i>Công ty Cổ phần SCI</i>	38.000.000.000			-		
<i>Quỹ đầu tư khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam</i>	9.000.000.000			-		
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&MORE</i>	30.000.000.000			-		
Chi phí phát hành trái phiếu	(266.666.664)			(533.333.332)		
Cộng	199.733.333.336			199.466.666.668		
Phân loại sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(199.733.333.336)			-		
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-			199.466.666.668		

(*) Tổng chi phí phát hành trái phiếu là 800.000.000 đồng. Công ty đã và đang thực hiện phân bổ đều chi phí này vào chi phí tài chính theo kỳ hạn trái phiếu (3 năm). Theo đó, chi phí phát hành được phân bổ vào chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh mỗi năm là 266.666.664 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, số chi phí phát hành còn chờ phân bổ vào chi phí tài chính là 266.666.664 đồng.

Giá trị trái phiếu của các trái chủ thay đổi do mua bán trái phiếu giữa các đơn vị với nhau, không làm thay đổi giá trị trái phiếu Công ty đã phát hành.

Ngày 28 tháng 12 năm 2016, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 200.000.000.000 đồng (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000.000 đồng). Trái phiếu phải hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 10,5%/năm cho hai kỳ tính lãi đầu tiên (kỳ tính lãi 6 tháng/lần), và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng hoặc kỳ 365 ngày (nếu không có kỳ hạn 12 tháng) công bố tại Sở Giao dịch của bốn ngân hàng thương mại gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tiền thu được để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của công ty. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là cổ phiếu lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB bao gồm:

Bên đảm bảo	Tên tổ chức phát hành	Loại cổ phiếu	Niêm yết	Số lượng cổ phiếu
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	7.538.059
Ông Võ Anh Linh (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.350.240
Bà Trần Thị Kim Thoa (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	4.399.998
Ông Phạm Vĩnh Phú (i)	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu phổ thông	HOSE	2.272.648

- (i) Các cá nhân trên là chủ sở hữu hợp pháp các cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTC), các chứng khoán này được lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và đã thực hiện phong tỏa các cổ phiếu thuộc sở hữu của các cá nhân trên.

5.17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2017	179.999.990.000	35.684.263.731	-	27.646.195.601	(31.340.085.216)	211.990.364.116
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.709.368.467	3.709.368.467
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(10.792.686.881)	-	-	(10.792.686.881)
Số dư tại ngày 31/12/2017	179.999.990.000	35.684.263.731	(10.792.686.881)	27.646.195.601	(27.630.716.749)	204.907.045.702
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(61.366.045.354)	(61.366.045.354)
Số dư tại ngày 31/12/2018	179.999.990.000	35.684.263.731	(10.792.686.881)	27.646.195.601	(88.996.762.103)	143.541.000.348

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

b) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu phổ thông	17.999.999	17.999.999
Số lượng cổ phiếu quỹ	(1.790.000)	(1.790.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.790.000)	(1.790.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.209.999	16.209.999
- Cổ phiếu phổ thông	16.209.999	16.209.999
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 (VND)/ cổ phiếu

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.474.352.008	25.989.159.384
<u>Trong đó:</u>		
Doanh thu bán hàng hóa	818.695.000	3.704.335.000
Doanh thu hoạt động xây lắp	6.514.302.435	21.539.370.905
Doanh thu cung cấp dịch vụ	141.354.573	745.453.479
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.474.352.008	25.989.159.384

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Giá vốn bán hàng	1.018.014.608	3.294.658.346
Giá vốn hoạt động xây lắp	5.686.170.083	22.458.725.919
Giá vốn cung cấp dịch vụ	79.566.722	642.632.965
Cộng	6.783.751.413	26.396.017.230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.577.425.777	6.616.646.631
Lãi từ việc bán chứng khoán	4.146.500.000	25.195.978.031
Lãi bán trái phiếu	-	210.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.081.900.000	7.572.800.000
Hoàn nhập dự phòng	-	66.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	(148.800.000)	968.401
Cộng	28.657.025.777	39.662.393.063

(*) Khoản cổ tức đã chia từ năm 2008 của Công ty CP Thương mại và Du lịch Hà Tĩnh, Công ty ghi nhận vào doanh thu tài chính các năm trước năm nay phải trả lại cho các cổ đông khác.

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền vay	24.041.798.597	27.977.040.763
Lỗ do bán chứng khoán	-	1.708.570.060
Dự phòng/(Hoàn nhập) các khoản đầu tư	5.485.020.814	(20.452.661.883)
Chi phí tài chính khác	696.416.241	670.304.584
Cộng	30.223.235.652	9.903.253.524

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	1.630.902.644	1.979.552.789
Chi phí đồ dùng văn phòng	720.400.731	1.087.288.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	124.888.087	172.346.928
Thuế, phí và lệ phí	25.243.227	92.972.908
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	12.746.061.033	16.757.751.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	612.554.003	1.816.511.589
Chi phí bằng tiền khác	1.623.980.484	994.230.420
Cộng	17.484.030.209	22.900.654.825

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi thanh lý tài sản cố định	266.724.745	1.231.810.341
Các khoản khác	688.470.816	576.905.461
Cộng	955.195.561	1.808.715.802

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.7 Chi phí khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng	1.198.782.610	3.267.870.289
Giá trị xây lắp dở dang đã hết doanh thu	5.381.788.899	-
Tiền thuê mặt bằng	563.402.952	-
Ghi giảm Tài sản thiếu chờ xử lý	1.687.007.566	-
Ghi nhận chi phí Dự án tiểu khu đô thị Viễn thông & Công nghệ thông tin Nghệ An	33.752.884.925	-
Các khoản chi phí khác	1.377.734.474	796.019.242
Cộng	43.961.601.426	4.063.889.531

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Hoạt động kinh doanh chính		
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(61.366.045.354)	3.709.368.467
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	38.684.625.033	11.012.805.281
Các khoản điều chỉnh tăng:		
<i>Nộp phạt vi phạm hành chính, trích dự phòng, xử lý tồn đọng</i>	<i>54.766.525.033</i>	<i>18.585.605.281</i>
Các khoản điều chỉnh giảm:		
<i>Thu nhập miễn thuế: cổ tức được chia</i>	<i>16.081.900.000</i>	<i>7.572.800.000</i>
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(22.681.420.321)	14.722.173.748
Lỗi năm trước mang sang	-	(14.722.173.748)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(22.681.420.321)	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động chính	-	-

6.9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	348.903.363	15.484.122.120
Chi phí nhân công	4.663.254.980	7.521.232.579
Chi phí khấu hao tài sản cố định	450.130.002	609.615.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.659.026.343	3.573.744.126
Chi phí khác bằng tiền	302.725.572	2.442.899.526
Cộng	8.424.040.260	29.631.613.490

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Báo cáo bộ phận

Theo chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không phải trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

7.2. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.331.748.500	-	4.331.748.500
Phải thu khách hàng	31.047.597.761	-	31.047.597.761
Đầu tư	256.119.413.279	126.559.604.050	382.679.017.329
Phải thu về cho vay	48.900.197.500	-	48.900.197.500
Phải thu khác	42.157.850.007	56.815.000	42.214.665.007
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	48.862.117.583	-	48.862.117.583
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	1.113.467.000	26.632.512.373	27.745.979.373
Tổng cộng	332.581.222.464	99.983.906.677	432.565.129.141
Ngày 31/12/2018			
Các khoản vay và nợ	271.602.578.779	-	271.602.578.779
Phải trả người bán	15.431.167.412	-	15.431.167.412
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	17.395.670.102	45.000.000	17.440.670.102
Tổng cộng	304.429.416.293	45.000.000	304.474.416.293
Chênh lệch thanh khoản thuần	28.151.806.171	99.938.906.677	128.090.712.848
Ngày 01/01/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.051.347.657	-	15.051.347.657
Phải thu khách hàng	41.464.633.823	-	41.464.633.823
Đầu tư	192.827.409.604	98.984.144.170	291.811.553.774
Phải thu về cho vay	22.700.000.000	43.100.197.500	65.800.197.500
Phải thu khác	40.045.415.622	-	40.045.415.622
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	36.116.056.550	-	36.116.056.550
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	919.000.000	21.427.958.559	22.346.958.559
Tổng cộng	275.053.750.156	120.656.383.111	395.710.133.267
Ngày 01/01/2018			
Các khoản vay và nợ	5.425.311.807	199.466.666.668	204.891.978.475
Phải trả người bán	21.937.447.098	-	21.937.447.098
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	27.809.521.598	642.900.000	28.452.421.598
Tổng cộng	55.172.280.503	200.109.566.668	255.281.847.171
Chênh lệch thanh khoản thuần	219.881.469.653	(79.453.183.557)	140.428.286.096

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	73.262.262.768	81.510.049.445	73.262.262.768	81.510.049.445
<i>Phải thu khách hàng</i>	31.047.597.761	41.464.633.823	31.047.597.761	41.464.633.823
<i>Phải thu khác</i>	42.214.665.007	40.045.415.622	42.214.665.007	40.045.415.622
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	309.351.359.279	207.878.757.261	309.351.359.279	207.878.757.261
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	252.619.413.279	192.827.409.604	252.619.413.279	192.827.409.604
<i>Cho vay ngắn hạn</i>	48.900.197.500	-	48.900.197.500	-
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4.331.748.500	15.051.347.657	4.331.748.500	15.051.347.657
Tổng cộng	382.613.622.047	289.388.806.706	382.613.622.047	289.388.806.706
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính	304.474.416.293	255.281.847.171	304.474.416.293	255.281.847.171
<i>Vay và nợ</i>	271.602.578.779	204.891.978.475	271.602.578.779	204.891.978.475
<i>Phải trả người bán</i>	15.431.167.412	21.937.447.098	15.431.167.412	21.937.447.098
<i>Phải trả khác</i>	17.440.670.102	28.452.421.598	17.440.670.102	28.452.421.598
Tổng cộng	304.474.416.293	255.281.847.171	304.474.416.293	255.281.847.171

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7.3. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	Công ty con	Hà Nội
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	Công ty con	Hà Nội
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2 (*)	Công ty con	Hà Nội
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	Công ty liên kết	Hà Nội
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung (**)	Công ty con	Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty liên kết	Hà Giang

(*) Ngày 13/02/2018, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 2. Ngày 16/04/2018, Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung (thuyết minh số 5.11_Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác).

Giao dịch với bên liên quan trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Cổ tức được chia	8.738.130.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	36.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	8.702.130.000	-
Mua hàng	3.312.570.255	9.797.151.255
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	3.312.570.255	9.797.151.255
Bán hàng	82.189.167	481.818.181
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	82.189.167	481.818.181
Góp vốn trong năm	1.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	1.000.000.000	-

Số dư với bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Phải thu khách hàng	86.915.263	86.915.263
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	52.221.813	52.221.813
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	34.693.450	34.210.882
Phải thu khác	482.121.268	482.121.268
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	482.121.268	482.121.268
Phải trả nhà cung cấp	4.630.304.049	6.521.011.144
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	604.387.833	604.387.833
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam VINA-OFC	447.125.200	447.125.200
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	3.578.791.016	5.469.498.111
Phải trả, phải nộp khác	7.666.800.000	7.666.800.000
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	7.666.800.000	7.666.800.000
Phải thu về cho vay	-	200.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	-	200.000.000
Vốn góp	1.600.000.000	600.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1	1.600.000.000	600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Tiền lương, thưởng	628.033.252	423.106.586
Cộng	628.033.252	423.106.586

7.4. Các thông tin tài chính khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục. Như đã trình bày trên Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 88.996.762.103 đồng (chiếm 38,27% vốn chủ sở hữu). Công ty hầu như không hoạt động kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh chính mà chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực chứng khoán do đó lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là âm 90.697.080.512 đồng.

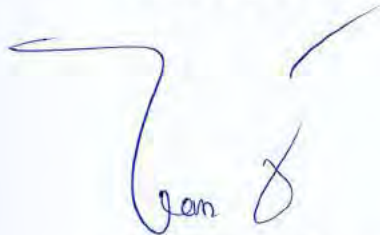
7.5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Các báo cáo này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đặng Thị Đoàn Trang**Trần Thị Len****Nguyễn Công Khởi**